

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 13/7/2023

V/v tranh chấp “Yêu cầu
chia di sản thừa kế theo
pháp luật”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân.**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Lệ;**

Ông **Nguyễn Thế Khải.**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 6 và ngày 06, ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Hồ Chí S**, sinh năm 1950. (Có mặt)

Địa chỉ: Số C đường Đ, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện theo ủy quyền của ông **Hồ Chí S**: Ông **Phạm Ngọc D.** (có mặt)

Địa chỉ: Số D, ấp E, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2020 tại Văn phòng C)

2. Bị đơn:

Ông **Hồ Chí T**, sinh năm 1959. (có mặt)

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Cao Minh T1 – Văn phòng luật sư Cao Minh T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị Chí M, sinh năm 1952 (xin vắng)

Địa chỉ: D, ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Anh Hồ Trần Điền L, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Chị Hồ Trần Ngọc T2, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện theo ủy quyền: Anh Hồ Trần Điền L, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: Số A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
(theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2022)

3.5. Ông Hồ Chí T3, sinh năm 1947. (vắng mặt)

Địa chỉ: A, Santa Maria Street ST S CA 90680 USA.

3.6. Bà Thái Thị H1, sinh năm 1959. (có mặt)

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Anh Hồ Thái T4, sinh năm 1988; (xin vắng)

3.8 Chị Hồ Thanh T5, sinh năm 1999; (xin vắng)

Cùng địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Chị Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 2003; (xin vắng)

Địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.10. Chị Lê Thị Mỹ H3, sinh năm 2003; (xin vắng)

Địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.11. Chị Trần Thị Bảo M1, sinh năm 2003; (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.12. Chị Lê Thị Mỹ H4, sinh năm 2000; (xin vắng)

Địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2020 và quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:**

Cha tôi tên Hồ Văn N, sinh năm 1922, chết năm 1968, mẹ là Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1922, chết ngày 12/8/2002. Lúc còn sống, cha mẹ có tạo lập diện tích đất khoảng 500 m² và căn nhà tọa lạc trên đất tại số A, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Năm 1968, cha chết thì mẹ và các em tiếp tục quản lý. Đến năm 1998, mẹ đi đăng ký kê khai phần đất trên có số thửa 21, tờ bản đồ số 40, diện tích 499,7m² mục đích sử dụng V + T, riêng căn nhà chưa cấp chủ quyền. Cha mẹ có 06 người con gồm Hồ Chí T3, Hồ Chí S, Hồ Thị Chí M, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thị Huyền S1 (chết năm 2017) có 02 con là Hồ Trần Ngọc T2 và Hồ Trần Điền L (chồng Trần Văn M2 đã chết) và Hồ Chí T. Cha mẹ chết không có để lại di chúc. Hiện Hồ Thị Huyền S1 đã được chia 39,4m² thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 40 theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH04889 ngày 25/7/2014; Hồ Thị Thanh H đã được chia 38,4 m² thuộc thửa 23, tờ bản đồ 40 theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH04130 ngày 24/10/2013; Hồ Thị Chí M có văn bản từ chối nhận di sản. Do đó di sản của mẹ còn lại là 421,9 m². Nay yêu cầu:

- Công nhận 421,9 m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ 40, mục đích sử dụng V+T tọa lạc tại tô A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản của bà Nguyễn Thị Kim A để lại.

- Yêu cầu tòa án buộc ông Hồ Chí T chia di sản thừa kế cho tôi hưởng 1/3 di sản là 149,63 m² đất của mẹ để lại.

- Đối với căn nhà đồng ý để cho ông T quản lý thờ cúng ông bà.

*** Theo đơn phản tố ngày 22/12/2021 (bl 112), Bản trình bày ý kiến bổ sung ngày 18/01/2022 (bl 136) và Bản trình bày ý kiến bổ sung ngày 07/3/2023 (bl 346) bị đơn Hồ Chí T trình bày:**

Cha mẹ ông là ông Hồ Văn N, sinh năm 1922, chết ngày 01/02/1968 và bà Nguyễn Thị Kim A sinh năm 1922, chết ngày 12/8/2002, có tất cả 06 người con gồm: Hồ Chí T3, sinh năm 1947; Hồ Chí S, sinh năm 1950; Hồ Thị Chí M, sinh năm 1952; Hồ Thị Huyền S1, sinh năm 1955; Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1957 và Hồ Chí T, sinh năm 1959. Trước khi chết cha mẹ không để lại di chúc. Di sản của mẹ để lại có diện tích 499,7 m² theo đơn xin đăng ký QSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A ngày 09/11/2000 được UBND phường E xác nhận và phòng Quản lý đô thị - Địa chính - Môi trường ghi “Đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ” ngày 11/4/2003. Sau khi đăng ký QSDĐ mẹ và vợ chồng ông thống nhất chia cho chị H 38,4 m², chị S1 39,4 m². Phần diện tích còn lại 421,9 m² là tài sản chung của hộ gia đình gồm 03 nhân khẩu là mẹ và vợ chồng ông. Nay ông chỉ đồng ý chia di sản của mẹ để lại là 140,63 m² (421,9 m² chia 3). Đến ngày 18/01/2022 ông có Bản trình bày ý kiến bổ sung: đồng ý di sản của mẹ để lại là 499,7 m². Đồng ý chia di sản làm 03 phần cho ba người thừa kế là Hồ Chí T3, Hồ Chí S và Hồ Chí T. Do ông T3 định cư ở nước ngoài nên ông yêu cầu để ông quản lý phần di sản của ông T3. Đến ngày 07/3/2023 ông có Bản trình bày

ý kiến bổ sung: cho rằng có công sức tôn tạo giữ gìn di sản nên yêu cầu chia thêm một phần công sức tương đương 01 kỷ phần cho ông.

*** Theo văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt ngày 22/6/2022 (bl 206), bà Hồ Thị Chí M trình bày:**

Bà là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án “chia di sản thừa kế theo pháp luật” giữa nguyên đơn Hồ Chí S và bị đơn Hồ Chí T. Bà là con của ông Hồ Văn N sinh năm 1922, chết ngày 01/02/1968, và bà Nguyễn Thị Kim A sinh năm 1922, chết ngày 12/8/2002. Bà có tất cả 06 anh em như nguyên đơn trình bày. Di sản mẹ để lại là 502,9 m² theo kết quả đo đạc thực tế của Công ty TNHH Đ ngày 17/3/2023. Nay bà yêu cầu tòa án chia cho bà 01 kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật và chia phần di sản này của bà cho Hồ Chí S 01 phần, cho Hồ Thị Thanh H 01 phần và 02 cháu Hồ Trần Ngọc T2 với Hồ Trần Điền L 01 phần. Đối với căn nhà bà đồng ý để cho ông T quản lý thờ cúng ông bà.

*** Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 20/6/2022 (bl 220) và biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022 (bl 208) bà Hồ Thị Thanh H trình bày:**

Bà là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án “chia di sản thừa kế theo pháp luật” giữa nguyên đơn Hồ Chí S và bị đơn Hồ Chí T. Bà là con của ông Hồ Văn N sinh năm 1922, chết ngày 01/02/1968 và bà Nguyễn Thị Kim A sinh năm 1922, chết ngày 12/8/2002. Bà có tất cả 06 anh em như nguyên đơn trình bày. Di sản mẹ để lại là 502,9 m² theo kết quả đo đạc thực tế của Công ty TNHH Đ ngày 17/3/2023 và cả phần diện tích 38,4 m² mà bà đã được cấp giấy sau khi mẹ mất. Nay bà yêu cầu tòa án chia cho bà 01 kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với căn nhà bà đồng ý để cho ông T quản lý thờ cúng ông bà.

*** Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 20/6/2022 (bl 230) và biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022 (bl 232) anh Hồ Trần Điền L và chị Hồ Trần Ngọc T2 trình bày:**

Anh chị là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án “chia di sản thừa kế theo pháp luật” giữa nguyên đơn Hồ Chí S và bị đơn Hồ Chí T. Anh chị là con của bà Hồ Thị Huyền S1, chết năm 2017, cháu ngoại của ông Hồ Văn N sinh năm 1922, chết ngày 01/02/1968 và bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1922, chết ngày 12/8/2002. Ông bà ngoại anh chị có tất cả 06 anh em như nguyên đơn trình bày. Di sản ông bà ngoại để lại là 502,9 m² theo kết quả đo đạc thực tế của Công ty TNHH Đ ngày 17/3/2023 và cả phần diện tích 39,4 m² của mẹ là bà Hồ Thị Huyền S1 đã được cấp giấy sau khi bà ngoại mất. Nay anh chị yêu cầu tòa án chia cho mẹ anh chị là bà S1 01 kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với căn nhà, anh chị đồng ý để cho ông T quản lý thờ cúng ông bà.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thái Thị H1 (vợ ông T), Hồ Thái T4 (con ông T), Hồ Thanh T5 (con ông T) thống nhất với ý kiến ông T và có đơn xin vắng mặt hòa giải, xét xử.**

****Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn ông Hồ Chí S giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Bà Hồ Thị Thanh H, anh Hồ Trần Điền L và chị Hồ Trần Ngọc T2 giữ nguyên yêu cầu độc lập xin chia 01 kỷ phần thừa kế do bà Nguyễn Thị Kim A để lại.

- Bà Hồ Thị Thanh H tiếp tục xác định thửa 23, diện tích 38,4 m² có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Kim A. Bà được cấp giấy thửa đất này sau khi bà Kim A chết. Nay bà đồng ý đưa diện tích này vào di sản chung của bà A để chia đều cho 6 anh em mỗi người 01 kỷ phần.

- Anh Hồ Trần Điền L và chị Hồ Trần Ngọc T2 tiếp tục xác định thửa 22, diện tích 39,4 m² có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Kim A. Mẹ của anh, chị được cấp giấy thửa đất này sau khi bà Kim A chết. Nay anh, chị đồng ý đưa diện tích này vào di sản chung của bà Kim A để chia đều cho các đồng thừa kế của bà Kim A mỗi người 01 kỷ phần.

- Ông Hồ Chí S đồng ý xác định di sản của bà Kim A để lại có diện tích là 577,5 m² thuộc các thửa 21, 22, 23, tờ bản đồ số 40 (thực đo 585,1 m²). Đồng ý chia đều cho 6 anh em mỗi người 01 kỷ phần.

- Ngoài ra, các đồng thừa kế cùng xác định:

+ Di sản của bà Kim A còn có 01 căn nhà trên đất tranh chấp nhưng các bên không yêu cầu chia nhà. Đồng ý để cho ông T tiếp tục quản lý thờ cúng cha mẹ.

+ Hàng thừa kế thứ nhất của bà Kim A có 06 người gồm: Hồ Chí T3, sinh năm 1947; Hồ Chí S, sinh năm 1950; Hồ Thị Chí M, sinh năm 1952; Hồ Thị Huyền S1, sinh năm 1955 (chết năm 2017) có hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 kế thừa quyền và nghĩa vụ; Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1957 và Hồ Chí T, sinh năm 1959.

- Ông Hồ Chí T yêu cầu được hưởng thêm 01 kỷ phần công gìn giữ, tôn tạo làm tăng diện tích đất là di sản (yêu cầu chia di sản thừa kế làm 7 kỷ phần, ông được hưởng 02 kỷ phần).

- Ý kiến luật sư bảo vệ cho ông T: Di sản của cụ Hồ Văn N và cụ Nguyễn Thị Kim A để lại có nguồn gốc thuê của địa chủ Ba vào năm 1948. Thời điểm đó diện tích thuê chỉ khoảng 140 m², phía trước giáp hẻm, hai bên giáp mương, mặt sau giáp rạch Bạch Nha. Quá trình canh tác chỉ có ông T sống chung cùng cha mẹ từ khi sinh ra đến nay đã trên 60 năm. Còn các anh chị người thì theo chồng, người thì đi lính, đi học tập cải tạo năm 1975 sau đó về sống bên vợ. Từ diện tích ban đầu khoảng 140 m² đến nay diện tích tăng lên 585,1 m² nên không thể phủ nhận công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng diện tích đất của ông T. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận ý kiến của ông T yêu cầu được chia thêm 01 kỷ phần công sức giữ gìn tôn tạo làm tăng giá trị đất theo khoản 2, 3 Điều 618 BLDS. Ngoài ra, ông Hồ Chí T3 đang định cư tại Hoa Kỳ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng không có văn bản chính thức thể hiện ý chí của mình gởi cho tòa án nên đề nghị tạm giao phần kỷ phần của ông T3 cho ông T tiếp tục quản lý theo án lệ số 06/2016/AL của TAND Tối cao công bố ngày 06/4/2016.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi liên quan là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Chấp nhận ý kiến của ông T về việc chia thêm 01 kỷ phần công quản lý giữ gìn tôn tạo di sản. Chia di sản của bà Kim A để lại thành 07 kỷ phần. Chia cho ông T được hưởng 02 kỷ phần. Mỗi người còn lại được chia 01 kỷ phần. Phần kỷ phần của bà M chia đều cho 03 người là Hồ Chí S; Hồ Thị Huyền S1 (chết năm 2017) có hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 kế thừa quyền và nghĩa vụ và Hồ Thị Thanh H. Ai được chia phần đất có 03 căn nhà trọ thì hoàn trả lại tiền xây dựng theo định giá cho ông T. Ai nhận diện tích vượt quá phần được chia thì phải hoàn lại giá trị bằng tiền tương đương diện tích chênh lệch cho người nhận thiếu diện tích theo giá của Hội đồng định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quan hệ tranh chấp là chia di sản thừa kế theo pháp luật nên ngoài nguyên đơn, bị đơn còn có các đồng thừa kế gồm Hồ Chí T3; Hồ Thị Chí M; Hồ Thị Huyền S1, sinh năm 1955 (chết năm 2017 có hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 kế thừa quyền và nghĩa vụ) và Hồ Thị Thanh H. Di sản tranh chấp là đất do ông T quản lý nên các thành viên sống chung hộ ông T trên đất tranh chấp cũng là người có liên quan gồm Thái Thị H1 (vợ T), Hồ Thái T4 (con T) và Hồ Thanh T5 (con T). Ngoài ra còn có các anh, chị là sinh viên đang thuê trọ trên đất ông T gồm Nguyễn Thị Kim H2, Lê Thị Mỹ H3, Trần Thị Bảo M1, Lê Thị Mỹ H4 cũng đưa vào tham gia tố tụng. Riêng đối với ông M2 (hiện đã chết) đang có vợ, con riêng mà sống chung như vợ chồng với bà S1 không được pháp luật công nhận nên không phải là người thừa kế hợp pháp của bà S1.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: tại phiên toà bà Hồ Thị Chí M, Hồ Thái T4, Hồ Thanh T5, Nguyễn Thị Kim H2, Lê Thị Mỹ H3, Trần Thị Bảo M1, Lê Thị Mỹ H4 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng; ông Hồ Chí T3 định cư nước ngoài theo địa chỉ 11842, Santa Maria Street ST Stanton CA 90680 USA đã được ủy thác tổng đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Ông S yêu cầu chia di sản là QSDĐ theo pháp luật nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật*” theo quy định tại khoản 5, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thẩm quyền: Đất tranh chấp tọa lạc tổ A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có một đồng thừa kế là ông Hồ Chí T3 đang định cư tại Hoa Kỳ theo địa chỉ 11842, Santa Maria Street ST Street CA 90680 USA nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điều 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Theo đơn kiện ông Hồ Chí S yêu cầu công nhận 499,7 m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ 40, mục đích sử dụng V+T, tọa lạc tổ A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M là di sản của bà Nguyễn Thị Kim A để lại. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các ông bà Hồ Thị Thanh H và Hồ Thị Huyền S1 do Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 kế thừa quyền và nghĩa vụ đồng thuận đưa 02 thửa: thửa 22, diện tích 39,4 m² và thửa 23, diện tích 38,4 m² (được cấp giấy sau khi bà Kim A chết) vào di sản chung của mẹ để chia được các bên chấp nhận là tự nguyện không trái đạo đức pháp luật nên HĐXX ghi nhận. Tuy diện tích yêu cầu chia thừa kế có tăng lên so với yêu cầu trong đơn khởi kiện nhưng vẫn trong phạm vi tranh chấp di sản thừa kế của bà Kim A nên không vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định di sản và người thừa kế:

- Theo các đương sự cùng xác định di sản là QSDĐ do bà Kim A để lại thuộc các thửa 21, 22, 23 tờ bản đồ số 40, diện tích là 577,5 m² (499,7 m² + 38,4 m² + 39,4 m²). Thực đo trên thực tế là 585,1 m² và một căn nhà trên đất. Theo công văn số 128/UBND-ĐC ngày 26/6/2023 của UBND phường E, thành phố M, thì diện tích theo giấy 03 thửa 21, 22, 23 là 577,5 m² trong khi thực đo là 585,1 m² tăng 7,6 m² là phù hợp do sai số khi đo đạc nên xác định diện tích 585,1 m² là di sản để chia.

- Xác định hàng thừa kế của bà Kim A gồm: Hồ Chí T3; Hồ Chí S, Hồ Thị Chí M; Hồ Thị Huyền S1, sinh năm 1955 (chết năm 2017 có hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 kế thừa quyền và nghĩa vụ), Hồ Thị Thanh H và Hồ Chí T.

- Xác định các bên không tranh chấp yêu cầu chia căn nhà nên không xem xét.

- Ghi nhận các bên thống nhất với giá tài sản trên đất và giá đất như chứng thư thẩm định giá ngày 07/5/2022 (bl 195).

[2.2] Xác định ý chí ông Hồ Chí T3: Ông T3 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Kim A hiện đang định cư tại Hoa Kỳ theo địa chỉ số A, Santa Maria Street ST S CA 90680 USA. Ông đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Quá trình giải quyết ông T3 có gửi cho tòa án ý kiến của mình về việc không tranh chấp di sản thừa kế và không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng qua đường bưu điện. Tuy nhiên văn bản này không được hợp pháp hóa lãnh sự nên không có giá trị pháp lý nên kỷ

phần của ông sẽ được tạm giao cho ông T là người đang quản lý di sản tiếp tục quản lý để sau này giải quyết riêng khi ông T3 có yêu cầu.

[2.3] Xác định công sức đóng góp của ông Hồ Chí T.

Theo khai nhận của các đồng thừa kế và lời khai của các nhân chứng sinh sống xung quanh thì phần đất bà Kim A để lại trước đây chỉ có căn nhà, xung quanh là ruộng nước và rạch Mạch Nha trũng thấp bị ngập khi nước lớn. Ông T là người sống xuyên suốt trên phần đất này với cha mẹ từ khi sinh ra cho đến nay. Hiện nay phần giáp kinh M - cụ thể là dãy nhà trọ - đã được ông T san lấp cất lên 03 căn nhà trọ từ năm 2017 để cho thuê trọ được bà H, anh L, ông S thừa nhận. Do đó không thể phủ nhận công sức gìn giữ, tôn tạo di sản của ông T. Tuy nhiên công sức ông T yêu cầu tương đương 01 kỷ phần là cao vì bà S1, bà H cũng có công sức đóng góp trên phần diện tích mà mình cất nhà ở. Qua cân nhắc xem xét, HĐXX quyết định mức hưởng của ông T là khoảng hơn 2/3 kỷ phần và trên cơ sở ưu tiên cho việc tính toán chia đất trên thực tế đảm bảo được thuận lợi và phù hợp nhất.

[2.4] Xác định kỷ phần: Trên cơ sở quy định của pháp luật, qua tính toán diện tích thực tế và để thuận lợi trong việc phân chia di sản trên thực địa cho các bên, HĐXX xác định diện tích mỗi kỷ phần của các ông bà Hồ Chí T3; Hồ Chí S; Hồ Thị Chí M; Hồ Thị Huyền S1 (do hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 được hưởng); Hồ Thị Thanh H và Hồ Chí T mỗi người là 87 m².

- Do Hồ Thị Chí M có ý kiến tặng cho kỷ phần của mình cho 03 người gồm Hồ Chí S; Hồ Thị Huyền S1 (do hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 được hưởng) và Hồ Thị Thanh H nên mỗi người này được cộng thêm 29 m² (87 m²/3). Như vậy các ông bà Hồ Chí S; Hồ Thị Huyền S1 (do hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 được hưởng) và Hồ Thị Thanh H mỗi người được chia là 116 m² (87 m² + 29 m²).

- Do mỗi kỷ phần là 87 m². Có tất cả 06 đồng thừa kế nên diện tích chia cho 06 người là 522 m² (87 m² X 6). Phần còn lại là 63,1 m² (858,1 m² - 522 m²). Phần này sẽ chia cho ông T do có công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất như đã phân tích ở trên. Như vậy, phần diện tích ông T được chia và phần được tạm giao quản lý của ông T3, tổng cộng ông T được nhận diện tích là 237,1 m² (87 m² X 2 + 63,1 m²).

[2.5] Vị trí cụ thể được chia:

- Ông T được nhận diện tích 237,1 m² thuộc các phần T1 diện tích 76,5 m², T2 diện tích 146,8 m², T6 diện tích 13,7 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (bl 312). Tổng cộng là 237 m².

- Ông S được chia 116 m² gồm các phần T11 diện tích 4,3 m², T12 diện tích 14,7 m², T13 diện tích 3,7 m², T14 diện tích 48,3 m², T15 diện tích 55 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (bl 312). Tổng cộng là 126 m². Do ông S nhận dư 10 m² so

với phần được hưởng nên có nghĩa vụ bồi hoàn lại giá trị bằng tiền tương đương 10 m² cho người nhận thiếu diện tích theo giá của hội đồng định giá.

- Bà H được chia 116 m² gồm các phần T17 diện tích 41,5 m², T10 diện tích 8,2 m², T9 diện tích 8,9 m², T3 diện tích 38.9 m², T5 diện tích 17.5 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (bl 312). Tổng cộng là 115 m² (thiếu 01 m² so với phần được hưởng).

- Anh L, chị T2 (nhận thay bà S1) 116 m² gồm các phần T16 diện tích 40,7 m², T8 diện tích 8,1 m², T7 diện tích 19,4 m², T4 diện tích 38.9 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (bl 312). Tổng cộng là 107,1 m² (thiếu 09 m² so với phần được hưởng).

*Do ông S nhận dư 10 m² so với phần được hưởng nên có nghĩa vụ bồi hoàn lại giá trị tiền tương đương 09 m² cho anh L, chị T2 là 121.473.000 đồng (13.497.000 đồng X 9 m²) và bồi hoàn cho bà H 13.497.000 đ giá trị 01 m² còn thiếu theo định giá. Ngoài ra ông S nhận phần đất có 03 căn nhà trọ của T. Tại phiên tòa ông đồng ý hoàn trả lại giá trị theo định giá là 169.181.565 đồng và hàng rào 10.287.200 đ. Tổng cộng 179.468.765 đ. Ông S được quyền sở hữu 03 căn nhà trọ và hàng rào bao quanh.

- Đối với yêu cầu của ông T, đòi ông S bồi hoàn giá trị phần cát san lấp lấn ranh Bạch Nha để cất nhà trọ là không có cơ sở bởi lẽ việc san lấp này làm tăng diện tích đất và ông đã được tính chia công sức làm tăng giá trị đất nên không thể buộc ông S phải bồi hoàn phần cát san lấp này.

- Đối với công trình máy che do ông T xây dựng trên phần đất chia cho bà H, anh Linh, chị T2 cần buộc ông T phải tháo dỡ sau khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa anh L, bà H đồng ý trả lại chi phí nhân công tháo dỡ mái che cho ông T là tự nguyện nên ghi nhận.

- Ông T phải thực hiện việc chia đất cho các đồng thừa kế theo bản án đã tuyên sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: quá trình giải quyết vụ án ông S, ông T, anh L đã tạm ứng các chi phí tố tụng cụ thể như sau: ông S nộp 27.374.620 đ; ông T nộp 2.100.000 đồng; anh L nộp 1.100.000 đ. Tổng cộng là 30.574.600 đồng (đã làm tròn). Chia 4 phần nên mỗi người phải chịu là 7.643.600 đồng (đã làm tròn). Do đó bà H phải trả cho ông S 7.643.600 đồng chi phí tố tụng; ông T phải trả cho ông S 5.543.600 đồng chi phí tố tụng; anh L, chị T2 phải trả cho ông S 6.543.600 đồng chi phí tố tụng;

- Về án phí: ông S, ông T và bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận.

- Ý kiến luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T là có căn cứ một phần HĐXX chấp nhận.

- Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5, Điều 26; các Điều 37, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 618, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 166, Điều 167 luật đất đai 2013.
- Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27 tháng 02 năm 2019.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Chí S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim A theo pháp luật. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị Thanh H, anh Hồ Trần Điền L và chị Hồ Trần Ngọc T2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim A theo pháp luật.

1.1 Xác định di sản của bà Nguyễn Thị Kim A để lại là 577,5 m² thuộc các thửa 21, 22, 23 tờ bản đồ số 40, diện tích thực đo trên thực tế là 585,1 m² đất tọa lạc tổ A, khu phố G, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Xác định hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim A gồm: Hồ Chí T3, Hồ Chí S, Hồ Thị Chí M; Hồ Thị Huyền S1 sinh năm 1955 (chết năm 2017) có hai con là Hồ Trần Điền L và Hồ Trần Ngọc T2 kế thừa quyền và nghĩa vụ, Hồ Thị Thanh H và Hồ Chí T.

1.3 Chia cho ông Hồ Chí S 126 m² gồm các phần T11 diện tích 4,3 m², T12 diện tích 14,7 m², T13 diện tích 3,7 m², T14 diện tích 48,3 m², T15 diện tích 55 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông S có nghĩa vụ bồi hoàn lại giá trị tiền tương đương 09 m² đất cho anh L, chị T2 là 121.473.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và bồi hoàn giá trị tương đương 01 m² đất cho bà H là 13.497.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Ghi nhận ông S đồng ý bồi hoàn cho ông T giá trị xây dựng 03 căn nhà trọ và hàng rào là 179.468.765 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng). Ông S được quyền sở hữu 03 căn nhà trọ và hàng rào xung quanh của ông T trên phần đất được chia.

1.4 Chia cho bà Hồ Thị Thanh H 115 m² gồm các phần T17 diện tích 41,5 m², T10 diện tích 8,2 m², T9 diện tích 8,9 m², T3 diện tích 38.9 m², T5 diện tích 17.5 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (có sơ đồ kèm theo).

1.5 Chia cho anh Hồ Trần Điền L và chị Hồ Trần Ngọc T2 (nhận thay bà S1) 107,1 m² gồm các phần T16 diện tích 40,7 m², T8 diện tích 8,1 m², T7 diện tích 19,4 m², T4 diện tích 38.9 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (có sơ đồ kèm theo).

1.6 Chia cho ông Hồ Chí T diện tích 150,1 m² và tạm quản lý 87 m² của ông T3 tổng cộng là 237, 1 m² thuộc các phần T1 diện tích 76,5 m², T2 diện tích 146,8 m², T6

diện tích 13,7 m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 05/01/2023 (có sơ đồ kèm theo). Ông T phải thực hiện việc chia đất cho các đồng thừa kế theo bản án đã tuyên sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông T phải tháo dỡ mái che, vật kiến trúc thô sơ khác trên phần đất chia cho bà H, anh Linh, chị T2. Ghi nhận anh L, chị T2, bà H đồng ý trả lại chi phí thuê nhân công tháo dỡ mái che, vật kiến trúc trên đất được chia cho ông T.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà H phải trả cho ông S 7.643.600 đồng (bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng) chi phí tố tụng; ông T phải trả cho ông S 5.543.600 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng) chi phí tố tụng; anh L, chị T2 phải trả cho ông S 6.543.600 đồng (sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng) chi phí tố tụng;

Việc trả tiền, chia đất thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Miễn án phí cho ông S, ông T, bà H do là người cao tuổi. Anh L, chị T2 phải chịu 35.271.200 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai 0000244, 0000245 cùng ngày 13/7/2022 của Cục thi hành án tỉnh Tiền Giang, Anh L, chị T2 còn phải nộp 34.671.200 đồng (ba mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng) án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân

